

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên
Ông Lê Anh Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Chính	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thường	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Thịnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phạm mắt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 18 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày sự thay đổi từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 12.450.000.000 đồng, theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 12.450.000.000 đồng.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hồ Chí Minh,, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.809.102.420	142.924.311.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	131.395.677.416	117.909.373.563
1. Tiền	111		102.369.327.416	57.909.373.563
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.026.350.000	60.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.939.462.310	12.131.794.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	64.839.081.995	5.557.390.197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		997.052.265	1.914.438.124
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.269.771.763	6.773.664.240
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.166.443.713)	(2.113.697.713)
III. Hàng tồn kho	140	9	2.799.502.001	5.293.994.617
1. Hàng tồn kho	141		2.799.502.001	5.293.994.617
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.674.460.693	7.589.148.327
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	864.257.712	297.669.209
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.801.033.706	7.282.309.843
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	9.169.275	9.169.275
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		342.341.273.321	362.355.723.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		355.572.000	355.572.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	355.572.000	355.572.000
II. Tài sản cố định	220		322.355.097.180	343.651.130.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	320.177.796.061	341.408.676.727
- Nguyên giá	222		521.974.676.744	521.836.676.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.796.880.683)	(180.428.000.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.177.301.119	2.242.453.799
- Nguyên giá	228		2.518.000.000	2.518.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.698.881)	(275.546.201)
III. Tài sản dài hạn khác	260		19.630.604.141	18.349.021.382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.630.604.141	18.349.021.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		552.150.375.741	505.280.035.263

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

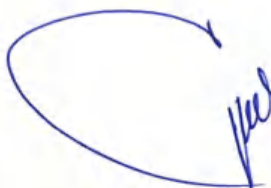
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		400.495.126.967		376.548.063.891	
I. Nợ ngắn hạn	310		165.152.701.967		100.986.588.891	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	64.380.318.872		19.048.545.436	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.126.650.000		9.101.933.581	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.619.187		59.221.106	
4. Phải trả người lao động	314		7.880.161.258		7.976.232.180	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.738.069.473		6.186.121.356	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	14.354.990.943		14.170.874.660	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	67.620.000.000		43.829.000.000	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.041.892.234		614.660.572	
II. Nợ dài hạn	330		235.342.425.000		275.561.475.000	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	222.892.425.000		275.561.475.000	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	12.450.000.000		-	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.655.248.774		128.731.971.372	
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	151.655.248.774		128.731.971.372	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000		200.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000		170.000.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		30.000.000.000		30.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		500.000.000		500.000.000	
3. Lỗ lũy kế	421		(48.844.751.226)		(71.768.028.628)	
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(73.294.676.505)		(94.020.986.175)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.449.925.279		22.252.957.547	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		552.150.375.741		505.280.035.263	


Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Phan Phong Phúc
Kế toán trưởngHoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2015	2014
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		572.088.257.320	698.922.404.966
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	572.088.257.320	698.922.404.966
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	519.902.190.056	651.970.905.755
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.186.067.264	46.951.499.211
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.645.205.667	2.332.773.201
6. Chi phí tài chính	22	26	25.284.022.439	13.422.919.001
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.142.274.777	9.145.428.210
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	21.490.622.456	18.043.356.221
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		10.056.628.036	17.817.997.190
9. Thu nhập khác	31	28	14.467.942.131	4.857.637.225
10. Chi phí khác	32		74.644.888	422.676.868
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.393.297.243	4.434.960.357
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.449.925.279	22.252.957.547
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		24.449.925.279	22.252.957.547
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	<u>1.161</u>	<u>1.165</u>


Tang Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Phan Phong Phúc
Kế toán trưởngHoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	24.449.925.279	22.252.957.547
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.434.033.346	21.411.033.349
Các khoản dự phòng	03	12.502.746.000	(109.714.691)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.224.929.336	4.076.673.435
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.406.752.988)	(1.634.199.164)
Chi phí lãi vay	06	9.142.274.777	9.145.428.210
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	78.347.155.750	55.142.178.686
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(55.607.267.931)	39.936.507.681
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.494.492.616	(1.282.508.458)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	39.768.322.925	(15.778.055.956)
Giảm chi phí trả trước	12	14.649.028.738	14.193.609.965
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.990.238.391)	(9.533.043.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	311.309.458
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(985.416.215)	(249.928.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.676.077.492	82.740.069.095
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(16.635.200.000)	(11.758.629.822)
2. Thu lãi tiền gửi	27	2.624.269.654	1.174.782.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.010.930.346)	(10.583.847.324)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	30.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.224.250.000)	(42.170.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.224.250.000)	(12.170.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	12.440.897.146	59.986.221.771
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	117.909.373.563	57.427.131.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.045.406.707	496.020.553
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	131.395.677.416	117.909.373.563


Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu


Phan Phong Phúc
Kế toán trưởngHoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 144 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 134 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213005424 ngày 15 tháng 6 năm 2009, địa chỉ của chi nhánh đặt tại khách sạn Dầu khí, số 427 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, như được trình bày tại Thuyết minh số 35.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

125
HI
:ON
INH
EL
IE
T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 25
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến năm năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	293.167.628	413.399.032
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.076.159.788	57.495.974.531
Các khoản tương đương tiền	29.026.350.000	60.000.000.000
	<u>131.395.677.416</u>	<u>117.909.373.563</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 4,5% đến 5,3% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: kỳ hạn từ một đến ba tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 4,5% đến 5,4%).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Sellan Gas	54.686.153.111	-
Các đối tượng khác	3.655.693.906	398.941.807
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	6.497.234.978	2.413.829.190
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	2.744.619.200
	<u>64.839.081.995</u>	<u>5.557.390.197</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng cho nhân viên	1.434.680.506	1.143.568.922
- Phải thu lãi tiền gửi	241.900.000	543.416.666
- Ký cược, ký quỹ	21.000.000	21.000.000
- Phải thu khác	3.572.191.257	5.065.678.652
	<u>5.269.771.763</u>	<u>6.773.664.240</u>
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	355.572.000	355.572.000
	<u>355.572.000</u>	<u>355.572.000</u>

8. NỢ XẤU

Đối tượng Nợ	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Gia Hải	240.110.231	-	240.110.231	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	436.914.110	-	436.914.110	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	-	470.085.809	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn	-	-	-	52.746.000
Dương Vinashin	256.220.424	-	256.220.424	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	500.000.000	-	500.000.000	-
Thuyền trường tàu Phương Đông Star	263.113.139	-	263.113.139	-
	<u>2.166.443.713</u>	<u>-</u>	<u>2.166.443.713</u>	<u>52.746.000</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	545.454.545	521.082.765.985	208.456.214	521.836.676.744
Tăng trong năm	-	-	138.000.000	138.000.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>545.454.545</u>	<u>521.082.765.985</u>	<u>346.456.214</u>	<u>521.974.676.744</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	218.181.814	180.031.576.781	178.241.422	180.428.000.017
Khấu hao trong năm	54.545.448	21.281.263.620	33.071.598	21.368.880.666
Tại ngày 31/12/2015	<u>272.727.262</u>	<u>201.312.840.401</u>	<u>211.313.020</u>	<u>201.796.880.683</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	<u>272.727.283</u>	<u>319.769.925.584</u>	<u>135.143.194</u>	<u>320.177.796.061</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>327.272.731</u>	<u>341.051.189.204</u>	<u>30.214.792</u>	<u>341.408.676.727</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp các tàu Phương Đông Star, Venus, Jupiter với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 520.216.509.149 đồng và 319.552.753.374 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 520.216.509.149 đồng và 340.725.430.892 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HDTCP-DV-PVB ngày 14 tháng 11 năm 2013.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 158.098.214 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 158.098.214 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	<u>2.300.000.000</u>	<u>218.000.000</u>	<u>2.518.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	157.646.194	117.900.007	275.546.201
Khấu hao trong năm	34.352.676	30.800.004	65.152.680
Tại ngày 31/12/2015	<u>191.998.870</u>	<u>148.700.011</u>	<u>340.698.881</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.108.001.130</u>	<u>69.299.989</u>	<u>2.177.301.119</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.142.353.806</u>	<u>100.099.993</u>	<u>2.242.453.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	864.257.712	297.669.209
	<u>864.257.712</u>	<u>297.669.209</u>
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	6.370.123.979	11.839.658.849
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	6.439.647.151	4.204.230.669
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	5.351.649.658	2.305.131.864
Các khoản khác	1.469.183.353	-
	<u>19.630.604.141</u>	<u>18.349.021.382</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị <u>VND</u>	Số có khả năng trả nợ <u>VND</u>	Giá trị <u>VND</u>	Số có khả năng trả nợ <u>VND</u>
a. Phải trả người bán là bên thứ ba				
Công ty TNHH MTV Gas Venus	54.686.153.111	54.686.153.111	-	-
Công ty Cổ phần O.W. Bunker Far East	-	-	3.796.202.655	3.796.202.655
Công ty TNHH HEMPEL Việt Nam	-	-	3.237.453.672	3.237.453.672
Công ty Cổ phần Thương mại Jalvahan Ship	-	-	6.414.000.000	6.414.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Tiến Đạt	-	-	2.921.900.630	2.921.900.630
Phải trả cho các đối tượng khác	8.329.441.075	8.329.441.075	2.250.028.845	2.250.028.845
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	1.101.368.632	1.101.368.632	273.929.671	273.929.671
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	233.656.054	233.656.054	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	29.700.000	29.700.000	-	-
Các bên liên quan khác	-	-	155.029.963	155.029.963
	<u>64.380.318.872</u>	<u>64.380.318.872</u>	<u>19.048.545.436</u>	<u>19.048.545.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	22.548.923	(22.548.923)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		58.295.533	(58.295.533)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.169.275)	-	-	(9.169.275)
Thuế thu nhập cá nhân	59.221.106	355.845.231	(404.447.150)	10.619.187
Thuế nhà thầu	-	9.094.825.059	(9.094.825.059)	-
Thuế khác	-	36.818.207	(36.818.207)	-
	50.051.831	9.568.332.953	(9.616.934.872)	1.449.912
Trong đó:				
- Thuế phải thu	9.169.275			9.169.275
- Thuế phải trả	59.221.106			10.619.187

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi vay phải trả	3.755.461.593	3.606.760.460
Chi phí phải trả khác (*)	2.982.607.880	2.579.360.896
	6.738.069.473	6.186.121.356

(*) Chi phí phải trả khác bao gồm sửa chữa, hoa tiêu và cảng phí.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Nhận ký quỹ của thuyền viên	3.262.928.473	2.851.201.633
Bảo hiểm xã hội	393.968.255	344.237.125
Kinh phí công đoàn	122.828.724	24.548.405
Bảo hiểm thất nghiệp	13.745.001	4.545.779
Phải trả khác (*)	10.561.520.490	10.946.341.718
	14.354.990.943	14.170.874.660

(*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến các dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt...

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản vay dài hạn thể hiện số tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo hai hợp đồng sau:

i) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 USD để đầu tư mua tàu Phương Đông Star. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phương Đông Star theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/HĐTC-TCĐK-22.16 ngày 26 tháng 02 năm 2008. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng + 1,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

ii) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 08/2009/HETD-CNSG.KD ngày 10 tháng 7 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 13.600.000 USD để đầu tư mua tàu Jupiter và Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Jupiter và Venus theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2009/HĐBĐ-CNSG.KD ngày 10 tháng 7 năm 2009. Lãi suất vay được áp dụng bằng bình quân lãi suất tiết kiệm USD của cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 2,52%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	67.620.000.000	43.829.000.000
Trong năm thứ hai	58.604.000.000	64.140.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	164.288.425.000	163.263.025.000
Sau năm năm	-	48.158.450.000
	<u>290.512.425.000</u>	<u>319.390.475.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại khoản mục vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn)	(67.620.000.000)	(43.829.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>222.892.425.000</u>	<u>275.561.475.000</u>

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với dự toán và kế hoạch sửa chữa lớn tàu định kỳ và tạo ra đủ nguồn tiền cho các kế hoạch sửa chữa này. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 12.450.000.000 đồng, theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>20.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>20.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Cổ phần		<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		20.000.000		20.000.000
+ Cổ phần phổ thông		17.000.000		17.000.000
+ Cổ phần ưu đãi		3.000.000		3.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành		20.000.000		20.000.000
+ Cổ phần phổ thông		17.000.000		17.000.000
+ Cổ phần ưu đãi		<u>3.000.000</u>		<u>3.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty đã phát hành 17.000.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	170.000.000.000	500.000.000	(93.015.112.754)	77.484.887.246
Tăng trong năm	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.252.957.547	22.252.957.547
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(861.873.421)	(861.873.421)
Tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	500.000.000	(71.768.028.628)	128.731.971.372
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.449.925.279	24.449.925.279
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.112.647.877)	(1.112.647.877)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách (*)	-	-	(114.000.000)	(114.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	200.000.000.000	500.000.000	(48.844.751.226)	151.655.248.774

(*) Thể hiện số trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	135.974.870.000	68,0%	135.974.870.000	68,0%
Công ty TNHH Tân Long	10.000.000.000	5,0%	10.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	54.025.130.000	27,0%	54.025.130.000	27,0%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ ("USD")	3.732.408	1.965.232

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu.

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.

Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2015	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	351.578.104.795	59.647.798.241	899.085.915	2.085.571.471	414.210.560.422
Tài sản không phân bổ					137.939.815.319
Tổng tài sản hợp nhất					552.150.375.741
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	325.342.630.323	54.843.711.299	14.338.134.795	1.499.578.945	396.024.055.362
Nợ phải trả không phân bổ					4.471.071.605
Tổng nợ phải trả hợp nhất					400.495.126.967

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2015	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	179.067.156.376	378.846.737.147	4.923.664.831	9.250.698.966	572.088.257.320
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	179.067.156.376	378.846.737.147	4.923.664.831	9.250.698.966	572.088.257.320
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	52.041.898.602	(350.514.866)	685.676.294	(190.992.766)	52.186.067.264
Chi phí không phân bổ					(21.490.622.456)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					30.695.444.808
Doanh thu hoạt động tài chính					4.645.205.667
Lợi nhuận khác					14.393.297.243
Chi phí tài chính					(25.284.022.439)
Lợi nhuận trước thuế					24.449.925.279
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lợi nhuận trong năm					24.449.925.279
Thông tin khác					
Khấu hao					21.434.033.346

1-00
ÁNH
TY
HỮU
TT
NAN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2014	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	368.944.165.583	3.596.376.542	1.718.216.303	2.330.368.355	376.589.126.783
Tài sản không phân bổ					128.690.908.480
Tổng tài sản hợp nhất					505.280.035.263
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	353.628.419.984	3.494.393.630	8.870.312.581	148.766.299	366.141.892.494
Nợ phải trả không phân bổ					10.406.171.397
Tổng nợ phải trả hợp nhất					376.548.063.891

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2014	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	165.838.016.521	511.225.768.280	4.725.423.471	17.133.196.694	698.922.404.966
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	165.838.016.521	511.225.768.280	4.725.423.471	17.133.196.694	698.922.404.966
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	45.506.710.337	857.277.085	614.407.832	(26.896.043)	46.951.499.211
Chi phí không phân bổ					(18.043.356.221)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					28.908.142.990
Doanh thu hoạt động tài chính					2.332.773.201
Lợi nhuận khác					4.434.960.357
Chi phí tài chính					(13.422.919.001)
Lợi nhuận trước thuế					22.252.957.547
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lợi nhuận trong năm					22.252.957.547
Thông tin khác					
Khấu hao					21.411.033.349

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và hai chi nhánh tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Hậu Giang (Chi nhánh Hậu Giang đã dừng hoạt động trong năm 2012). Tuy nhiên, doanh thu, kết quả kinh doanh, tài sản chủ yếu phát sinh tại trụ sở chính. Doanh thu của trụ sở chính chiếm 98% tổng doanh thu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Doanh thu thương mại	378.846.737.147	511.225.768.280
Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	179.067.156.376	165.838.016.521
Doanh thu đại lý tàu biển	4.923.664.831	4.725.423.471
Doanh thu hoạt động khác	9.250.698.966	17.133.196.694
	<u>572.088.257.320</u>	<u>698.922.404.966</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Giá vốn thương mại	379.197.252.013	510.368.491.195
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	127.025.257.774	120.331.306.184
Giá vốn đại lý tàu biển	4.237.988.537	4.111.015.639
Giá vốn hoạt động khác	9.441.691.732	17.160.092.737
	<u>519.902.190.056</u>	<u>651.970.905.755</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.901.710.280	23.969.481.268
Chi phí nhân công	29.362.840.530	24.871.429.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.434.033.346	21.411.033.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.743.587.189	30.164.361.750
Chi phí khác bằng tiền	42.753.389.154	59.229.465.075
	<u>162.195.560.499</u>	<u>159.645.770.781</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	2.406.752.988	1.634.199.164
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.238.452.679	698.574.037
	<u>4.645.205.667</u>	<u>2.332.773.201</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	9.142.274.777	9.145.428.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.141.747.662	4.277.490.791
	<u>25.284.022.439</u>	<u>13.422.919.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương nhân viên	10.648.833.583	8.982.170.572
Chi phí mua ngoài	9.400.953.592	7.807.584.498
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.440.835.281	1.253.601.151
	<u>21.490.622.456</u>	<u>18.043.356.221</u>

28. THU NHẬP KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu từ phạt lưu tàu	3.433.628.016	4.577.607.921
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	10.777.219.838	-
Thu nhập khác (*)	257.094.277	280.029.304
	<u>14.467.942.131</u>	<u>4.857.637.225</u>

(*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ xử lý chênh lệch công nợ, điều chỉnh chênh lệch do kiểm kê...

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	24.449.925.279	22.252.957.547
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	121.605.798	107.646.379
Trừ: Thu nhập không tính thuế	(1.068.770.420)	(496.020.553)
Thu nhập chịu thuế	<u>23.502.760.657</u>	<u>21.864.583.373</u>
Lỗi lũy kế mang sang	(23.502.760.657)	(21.864.583.373)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ chưa sử dụng là 44.087.361.005 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 67.590.121.662 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ.

Các khoản lỗ sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế VND
2017	44.087.361.005
	<u>44.087.361.005</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	24.449.925.279	22.252.957.547
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.222.496.264	1.112.647.877
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23.227.429.015	21.140.309.670
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	20.000.000	18.142.466
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.161	1.165

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 200.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã báo cáo	22.252.957.547	18.142.466	1.227
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200	(1.112.647.877)	-	-
Số liệu trình bày lại	21.140.309.670	18.142.466	1.165

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.640.844.433	2.146.608.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	2.539.008.000	1.149.804.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.990.412.000	-
	5.529.420.000	1.149.804.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê văn phòng tại tầng 8, tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và số tiền thuê phải trả cho việc thuê xe có thời hạn thuê là 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	290.512.425.000	319.390.475.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	131.395.677.416	117.909.373.563
Nợ thuần	159.116.747.584	201.481.101.437
Vốn chủ sở hữu	<u>151.655.248.774</u>	<u>128.731.971.372</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,05</u>	<u>1,57</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.395.677.416	117.909.373.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>66.863.301.539</u>	<u>8.363.576.948</u>
	<u>198.258.978.955</u>	<u>126.272.950.511</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	290.512.425.000	319.390.475.000
Phải trả người bán và phải trả khác	78.735.309.815	33.219.420.096
Chi phí phải trả	6.738.069.473	6.186.121.356
	<u>375.985.804.288</u>	<u>358.796.016.452</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	84.304.406.805	42.408.227.377	297.322.510.328	337.278.184.770
Yên Nhật (JPY)	-	-	23.006.058	22.250.000
Đô la Singapore (SGD)	-	-	95.078.019	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 6.390.543.106 đồng (năm 2014: 8.846.098.722 đồng). Dựa trên sự phân tích tương tự cho Đồng Yên Nhật và Đô la Singapore thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng với số tiền là 5.810.248.500 đồng (năm 2014: 6.387.809.500 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Sau 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.395.677.416	-	-	131.395.677.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.507.729.539	355.572.000	-	66.863.301.539
Tổng cộng	197.903.406.955	355.572.000	-	198.258.978.955
Các khoản vay	67.620.000.000	222.892.425.000	-	290.512.425.000
Phải trả người bán và phải trả khác	78.735.309.815	-	-	78.735.309.815
Chi phí phải trả	6.738.069.473	-	-	6.738.069.473
Tổng cộng	153.093.379.288	222.892.425.000	-	375.985.804.288
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.810.027.667	(222.536.853.000)	-	(177.726.825.333)
31/12/2014	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Sau 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.909.373.563	-	-	117.909.373.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.008.004.948	355.572.000	-	8.363.576.948
Tổng cộng	125.917.378.511	355.572.000	-	126.272.950.511
Các khoản vay	43.829.000.000	227.403.025.000	48.158.450.000	319.390.475.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.219.420.096	-	-	33.219.420.096
Chi phí phải trả	6.186.121.356	-	-	6.186.121.356
Tổng cộng	83.234.541.452	227.403.025.000	48.158.450.000	358.796.016.452
Chênh lệch thanh khoản thuần	42.682.837.059	(227.047.453.000)	(48.158.450.000)	(232.523.065.941)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
 	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí Hóa Lỏng Miền Đông	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc Tế	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Hóa Lỏng Miền Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cước vận chuyển		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	69.401.040.618	62.846.875.597
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	5.809.885.460	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí Hóa Lỏng Miền Đông	65.754.398.848	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thương mại		
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	9.535.357.072	13.669.145.992
Công ty Cổ phần Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	14.312.460.000	15.187.320.310
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	4.291.998.764	171.728.299.493
	<hr/>	<hr/>

12/2015
 NH
 Y
 UU
 T
 N
 C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Doanh thu đại lý		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	-	282.971.342
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	<u>192.412.835</u>	<u>-</u>
Doanh thu khác		
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu Khí Nhơn Trạch	1.818.182	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>7.168.399.412</u>	<u>14.327.521.166</u>
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	2.798.195.572	6.791.222.151
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	1.220.659.968	-
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	4.167.637.219	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.667.884.878	-
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hồ Chí Minh	-	57.990.270
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	33.957.848	33.766.282
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	79.577.625	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	757.963.015	676.854.338
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	3.739.314.029	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.269.306.927	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	985.050.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	612.000.000	306.000.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Hóa Lỏng Miền Nam	65.754.398.848	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	222.529.575	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	<u>-</u>	<u>61.730.143</u>
Phát sinh khác trong năm (chỉ phí xăng dầu hao hụt)		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>590.087.478</u>	<u>882.604.780</u>
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)		
- Gốc vay đã thanh toán	44.966.850.000	42.170.000.000
- Lãi vay đã trả	<u>9.142.274.777</u>	<u>9.514.196.873</u>
Nhận vốn góp		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:		
	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lương, thưởng	<u>2.428.854.636</u>	<u>2.072.612.038</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	6.497.234.978	2.413.829.190
Công ty Cổ Phần Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	-	2.744.619.200
Ứng trước của khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.344.441.294	187.903.988
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	-	84.150.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	67.903.157
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	1.101.368.632	273.929.671
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	233.656.054	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	29.700.000	-
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	66.389.560	142.937.120
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	920.225.177	1.557.295.575
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn		
- Gốc vay phải trả	290.512.425.000	319.390.475.000
- Lãi vay phải trả	3.755.461.593	3.606.760.460

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 3.755.461.593 đồng (năm 2014: 3.606.760.460 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu tiền lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 241.900.000 đồng (năm 2014: 459.416.666 đồng), là số tiền lãi phải thu phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Đơn vị: VND Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Đơn vị: VND Thay đổi

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
I. Tài sản					
1. Phải thu khách hàng	131	5.574.378.621	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.557.390.197
2. Trả trước cho người bán	132	1.914.438.124	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.914.438.124
3. Các khoản phải thu khác	135	4.526.324.040	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.773.664.240
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.230.351.776	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	355.572.000
6. Tài sản dài hạn khác	268	355.572.000	6. Tài sản dài hạn khác	268	-
II. Nguồn vốn					
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	43.829.000.000	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	43.829.000.000
2. Phải trả người bán	312	19.048.545.436	2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19.048.545.436
3. Người mua trả tiền trước	313	9.101.933.581	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9.101.933.581
4. Chi phí phải trả	316	6.186.121.356	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.186.121.356
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14.170.874.660	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14.170.874.660
6. Vay và nợ dài hạn	334	275.561.475.000	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	275.561.475.000
7. Vốn cổ phần	411	200.000.000.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	200.000.000.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	2014	Chỉ tiêu	Mã số	2014
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.227	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.165

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	2014	Chỉ tiêu	Mã số	2014
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.076.673.435	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.076.673.435

Tăng Kim Thủy Vi
Người lập biểu

Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng

Hoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016